

THÔNG BÁO
TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP QUY

Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số 44-16 (LIXIL 01- 2018) ngày 15/8/2018 của Công ty TNHH Sản xuất toàn cầu Lixil Việt Nam, địa chỉ: Đường D1, KCN Long Đức, xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, cho sản phẩm:

- **Tên sản phẩm:** Hợp kim nhôm dạng profile dùng để chế tạo cửa sổ và cửa đi.



- **Nhãn hiệu:**

- **Kiểu, loại:**

+ Hợp kim nhôm 6063, cấp độ cứng TE (T5), chiều dày sản phẩm đến 12,5 mm.

+ Hợp kim nhôm 6063, cấp độ cứng TF (T6), chiều dày sản phẩm đến 25 mm.

+ Hợp kim nhôm 6061, cấp độ cứng TF (T6), chiều dày sản phẩm đến 25 mm.

(Mặt cắt sản phẩm được nêu chi tiết trong Phụ lục 1 đến phụ lục 14 kèm theo giấy chứng nhận)

- **Nhà sản xuất:** CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TOÀN CẦU LIXIL VIỆT NAM.

+ Địa chỉ: Đường D1, KCN Long Đức, xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2017/BXD ban hành theo Thông tư số 10/2017/TT-BXD ngày 29/9/2017. Có giá trị từ ngày ban hành Thông báo tiếp nhận hợp quy đến ngày 30/7/2021.

- **Phương thức chứng nhận:** Phương thức 5 (Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ), theo Quyết định số 1415/QĐ-KT3 cấp ngày 31/7/2018 và Giấy chứng nhận 44-16 (LIXIL 01-2018) của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3.

Thông báo này ghi nhận sự cam kết của Công ty TNHH Sản xuất toàn cầu Lixil Việt Nam Thông báo này không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Công ty TNHH Sản xuất toàn cầu Lixil Việt Nam phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Sản xuất toàn cầu Lixil Việt Nam;
- Ban GD Sở;
- Văn phòng sở (đăng lên trang web của sở);
- Lưu: VT, KT-VLXD.(Thu)

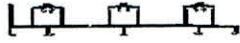

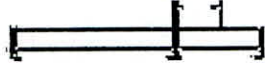





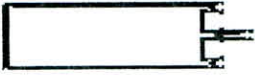



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
XÂY DỰNG
TỈNH ĐỒNG NAI
Nguyễn Minh Hoàng



Phụ lục 1 - Danh mục sản phẩm hợp kim nhôm dạng profile
 được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2017/BXD
 (Ban hành kèm theo giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL 01-2018), ngày 31/07/2018)

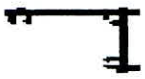


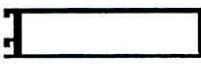
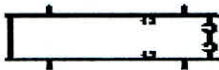
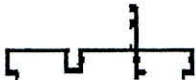
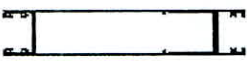



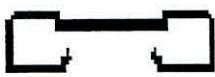

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
1	SD5016F	TO-5X507		6063-TE
2	SD6028	TO-5X508		6063-TE
3	SD5007E	TO-5X510		6063-TE
4	SD5060	TO-5X551		6063-TE
5	SD6044	TO- 5X567		6063-TE
6	SD5008E	TO- 5X566		6063-TE
7	SD9827B	TO-5X337A		6063-TE
8	SD5058	TO-6B828		6063-TE
9	SD5010B	TO-6B883		6063-TE
10	SD9601	TO-5X451		6063-TE
11	SD9602	TO-5X452		6063-TE
12	SD9609	TO-5X453		6063-TE

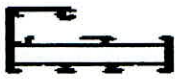

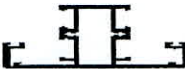

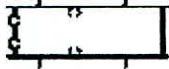
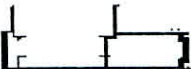










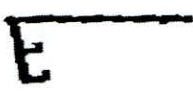



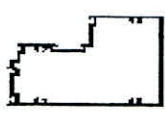





STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hộp kim - cấp độ cứng
13	SD9610	TO-5X454		6063-TE
14	SD9611	TO-5X455		6063-TE
15	SD9603	TO-5X456		6063-TE
16	SD9604	TO-5X457		6063-TE
17	SD9606	TO-5X458		6063-TE
18	SD9605	TO-5X459		6063-TE
19	SD9608	TO-5X460		6063-TE
20	SD9607	TO-5X461		6063-TE
21	SD6012	TO-5X462		6063-TE
22	AD-16001	TO-5X463		6063-TE
23	AD-16002	TO-5X464		6063-TE
24	SD9612	TO-6B819		6063-TE


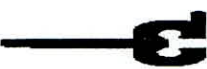

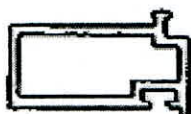








ĐC VÀ
 ĐUNG
 ĐẠT TẾ
 ĐO LƯ
 ĐÁT LL
 ĐUẬN





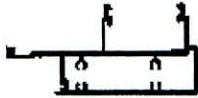
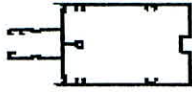



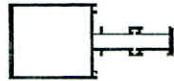
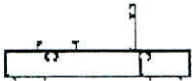



STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
25	AD-16003	TO-5X466		6063-TE
26	SD9600	TO-6B820		6063-TE
27	CWSD527	TO-5X517		6063-TE
28	SD6007	TO-5X549		6063-TE
29	SD6027	TO-5X550		6063-TE
30	SD9614	TO-6B838		6063-TE
31	SD9807B	TO-5X450		6063-TE
32	SD6056	TO-6C376		6063-TE
33	SD-LC01	TO-6C450		6063-TE
34	SD-LC02	TO-6C451		6063-TE
35	SD-LC03	TO-6C452		6063-TE
36	SD-LC04	TO-6C453		6063-TE




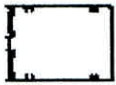








STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
37	SD5061	TO-6C457		6063-TE
38	SD5062	TO-6C458		6063-TE
39	SD5063	TO-6C459		6063-TE
40	SD5064	TO-6D095		6063-TE
41	SD6025	TO-6D167		6063-TE
42	CWSD9001	TO-6D168		6063-TE
43	CWSD9002	TO-6D169A		6063-TE
44	CWSD9003	TO-6D170		6063-TE
45	CWSD9004	TO-6D171		6063-TE
46	CWSD9005	TO-6D172		6063-TE
47	CWSD9006	TO-6D173		6063-TE
48	CWSD9007	TO-6D174		6063-TE

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
49	CWSD9008	TO-6D175		6063-TE
50	CWSD9009	TO-6D176		6063-TE
51	CWSD9010	TO-6D177		6063-TE
52	CWSD9011	TO-6D178		6063-TE
53	CWSD9012	TO-6D179		6063-TE
54	CWSD9013	TO-6D180		6063-TE
55	CWSD9014	TO-6D181		6063-TE
56	CWSD9015	TO-6D182		6063-TE
57	CWSD9016	TO-6D183		6063-TE
58	CWSD9017	TO-6D184		6063-TE
59	CWSD9018	TO-6D185A		6063-TE
60	CWSD9019	TO-6D186		6063-TE







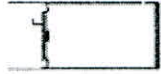





STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hộp kim - cấp độ cứng
61	CWSD9020	TO-6D187		6063-TF
62	CWSD9021	TO-6D188		6063-TF
63	CWSD9022	TO-6D189		6063-TE
64	CWSD9023	TO-6D190		6063-TE
65	CWSD9024	TO-6D191		6063-TE
66	CWSD9025	TO-6D192		6063-TE
67	CWSD9026	TO-6D193		6063-TE
68	CWSD9027	TO-6D628		6063-TE
69	CWSD9029	TO-6D629		6063-TE
70	CWSD9030	TO-6D630		6063-TE
71	CWSD9031	TO-6D631		6063-TE
72	CWSD9032	TO-6D632		6063-TE





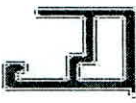

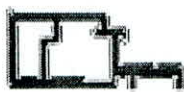







STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
73	CWSD9033	TO-6D633		6063-TE
74	SDVD-1701	TO-6D636		6063-TE
75	SDVD-1702	TO-6D637		6063-TE
76	SDVD-1703	TO-6D638		6063-TE
77	SDVD-1705	TO-6D640		6063-TE
78	SDVD-1707	TO-6D641		6063-TE
79	SD6026	TO-6D657		6063-TE
80	SD5059	TO-6D658		6063-TE
81	SD9613	TO-6D659		6063-TE
82	SD9615	TO-6D660		6063-TE
83	SD60150	TO-6D661		6063-TE
84	SD5065	TO-6D757		6063-TE













STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
85	SD9603A	TO-6D826		6063-TE
86	SD9603B	TO-6D827		6063-TE
87	CWSD9028	TO-6D194A		6063-TE
88	CWSD9029	TO-6D629A		6063-TE
89	CWSD9030	TO-6D630A		6063-TE
90	CWSD9012A	TO-6C394		6063-TE
91	CWSD9012B	TO-6C395		6063-TE
92	SDVD-1706	TO-6C400		6063-TE
93	SDVD-1708	TO-6C401		6063-TE
94	SDVD-1704	TO-6D639		6063-TE
95	SD6057	TO-6C411		6063-TE
96	SD6058	TO-6C412		6063-TE




NG VÀ
 JNG
 HẬT TẾ
 O LU
 HẬT LI
 QUAI

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
97	SDVD-1709	TO-6C433		6063-TE
98	SDVD-1710	TO-6C434		6063-TE
99	DN-16031	TO-5P247A		6063-TE
100	SD6059	TO-6F273		6063-TE
101	SD6060	TO-6F274		6063-TE
102	SD205x125	TO-6F297		6063-TE
103	CWSD9038	TO-6F290		6063-TE
104	CWSD9039	TO-6F291		6063-TE
105	CWSD9045	TO-6F299		6063-TE
106	CWSD9046	TO-6F300		6063-TE
107	CWSD9047	TO-6F301		6063-TE
108	CWSD9048	TO-6F302		6063-TE

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
109	CWSD9049	TO-6F303		6063-TE
110	CWSD9050	TO-6F304		6063-TE
111	CWSD9051	TO-6F305		6063-TE
112	CWSD9052	TO-6F306		6063-TE
113	CWSD9040	TO-6F292		6063-TE
114	CWSD9041	TO-6F293		6063-TE
115	CWSD9042	TO-6F294		6063-TE
116	CWSD9043	TO-6F295		6063-TE
117	CWSD9044	TO-6F298		6063-TE
118	CWSD9035	TO-6F287		6063-TE
119	CWSD9036	TO-6F288		6063-TE
120	CWSD9037	TO-6F289		6063-TE



STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
121	CWSD9053	TO-6F307		6063-TE
122	CWSD9054	TO-6F308		6063-TE
123	CWSD9055	TO-6F309		6063-TE
124	CWSD9056	TO-6F310		6063-TE
125	SDVD-1711	TO-6F320		6063-TE
126	SDVD-1712	TO-6F321		6063-TE
127	SDVD-1713	TO-6F322		6063-TE
128	SDVD-1714	TO-6F323		6063-TE
129	SD-LC01	TO-6C450A		6063-TE
130	SD-LC03	TO-6C452A		6063-TE
131	SD-LC04	TO-6C453A		6063-TE
132	SDAD01	TO-6H278		6063-TE

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - cấp độ cứng
133	SDAD02	TO-6H279		6063-TE
134	SDAD03	TO-6H280		6063-TE
135	CWSD9039	TO-6F291A		6063-TF

Handwritten signature

Handwritten mark

Red curved mark